

VÀI SUY NGHĨ QUANH ÔNG THÀNH HOÀNG QUA NGHIÊN CỨU ĐÌNH PHÙ LÃO XÃ ĐÀO MỸ, HUYỆN LẠNG GIANG, HÀ BẮC

TRINH CAO TƯỜNG

Như hầu hết các làng quê ở đồng bằng Bắc Bộ, làng Phù Lão của Đào Mỹ huyện Lạng Giang tỉnh Hà Bắc cũng có một ngôi đình. Theo bia ký còn hiện diện trên sân đình và những dòng chữ đề ghi trên thượng lương "Tuế thứ Mậu Thìn niên, thập nhất nguyệt, nhị thập tứ nhật, ngộ thời" có thể đoán định được khởi dựng vào năm 1628.

Mặc dầu được sinh ra trên một vùng quê êm ả, xa nơi đô hội nhộn nhịp, nhưng đình Phù Lão lại có quy mô rất bề thế, kang trang và đặc biệt, điều khắc trang trí đình đã đưa đình Phù Lão lên vị trí hàng đầu so với những đình làng mà ta hiện biết. Có thể nói, các nghệ sỹ điêu khắc đình Phù Lão đã cho ta thấy những hình ảnh sống động về vùng quê Việt Nam, từ trong gia đình đến các mối quan hệ xã hội, từ cuộc sống lao động đời thường nhọc nhằn đến đời sống văn hoá và tâm linh hết sức phong phú.

Theo lời kể của người già của làng Phù Lão thì thành hoàng làng của làng Phù Lão là hai vị Cao Sơn và Quý Minh. Cho đến ngày hôm nay, các vị vẫn đang được toàn bộ mọi người dân trong làng thành kính. Hai ông vẫn ngự trị một cách vững chắc trong thế giới tâm linh của mọi người.

Nhân cơ may mắn được khảo sát giới thiệu đình Phù Lão, chúng tôi đã dành

một phần chuyên tâm của mình cho việc tìm hiểu thành hoàng của làng, qua đó muốn đưa ra một tên tự cổ về hiện tượng Thành hoàng làng ở đồng bằng Bắc Bộ, qua ngôi đình này(1).

Đến nay, tất cả các thần tích, thần phả, sắc phong ở đình Phù Lão đã bị mất mát cả. Sự tích và hành trạng của thành hoàng mà chúng tôi trình bày dưới đây được ghi lại từ lời kể của một số người già làng.

Từ xưa truyền rằng, Kinh Dương Vương lấy người con gái đẹp ở Hồ Động Đình sinh ra Lạc Long Quân, có khí phách đế vương. Lạc Long Quân lấy bà Âu Cơ, đẻ ra trăm trứng, trứng nở ra thành trăm người con trai. Âu Cơ cùng 50 người con lên núi. Lạc Long Quân mang 50 người con xuống biển. Cao Sơn là con thứ hai, Quý Minh là con thứ ba trong số 50 người con theo mẹ lên núi. Hai ông đều thông minh đỉnh ngộ, văn võ kiêm toàn, có tài lên núi xuống biển. Về sau, cả hai ông đều được phong làm sơn thần Tản Viên. Về già, hai ông hiển hoá để lại đức thơm. Dân xã coi hai ông là thành hoàng và lập đình thờ. Mỗi khi dân làng gặp giặc giã, thiên tai, cầu mong hai ông, thì được hai ông phù giúp, linh ứng. Dưới thời Lê, bọn ngoại thích chuyên quyền(?), giặc giã nổi lên ở khắp các châu quận, vua phải thân chinh đi đánh dẹp. Một hôm, quan quân tới

xã ta dẹp giặc, bỗng thấy mây đen kéo tới đầy trời, bèn hỏi các cụ phụ lão, rồi đến làm lễ tế ở đình. Đêm đó, vua thấy hiển linh. Hôm sau vào trận, giặc bỗng tan tác bỏ chạy, nhân dân ca khúc khải hoàn.

Sau khi giành được ngôi báu, nhớ tới ơn phù giúp ngày xưa, vua bèn phong cho ông duệ hiệu "Cao Sơn - Quý Minh hiển ứng thượng đẳng tối linh đại vương" và cho phép dân xã đời đời hương khói. Từ đó về sau, các triều đại đều gia phong cho hai ông. Hàng năm đến ngày 24 tháng 8 là ngày hai ông hoá, dân làng làm lễ dâng ông ở đình. Ngoài ra vào ngày hội, mồng 8 tháng 1, ở đình cũng làm lễ tế.

Cao Sơn - Quý Minh không phải là thành hoàng riêng của làng Phù Lão. Trên bản đồ điền dã, chúng tôi ghi nhận được một hiện tượng rất độc đáo về thành hoàng ở Hà Bắc. Nếu lấy con sông Cầu làm đường phân gianh, ta sẽ thấy hầu hết các làng đôi bờ và lui về phía Nam sông Cầu đều có thành hoàng là Trương Hống - Trương Hát, hay còn gọi là Ông Cọc - Ông Dài, Ông Cọc - Ông Dài theo lời kể của người già là hai rắn thần hiển linh, sau đã được nhân hoá và thần thánh hoá. Người ven sông Cầu đều nói: "từ Thượng chí Đu Đuôm tới hạ Lục Đầu có hơn 200 xã lưỡng biên giang (hai bờ sông)" thờ hai ông.

Vượt ra khỏi sông Cầu về phía Bắc, tuyệt đại đa số làng đều có thành hoàng là Cao Sơn - Quý Minh. Như lý lịch xuất thân đã kể trên, Cao Sơn - Quý Minh chính là thần Núi. Thần Núi là một cặp hai anh em, Thần Nước cũng là một cặp hai anh em. Đó là cấu trúc đôi thường thấy trong truyện thần thoại và thần tích.

Như vậy, rõ ràng cấu trúc lưỡng hợp *miền thấp* và *miền cao, núi* và *nước* đã in dấu vào tục thờ thành hoàng ở xứ Bắc. Và, qua hiện tượng thành hoàng ở đây, ta có thể dự đoán được tổ chức xã hội

hai nửa của cộng đồng người cư trú ở Hà Bắc thời xưa.

Chúng tôi đã có dịp rà soát lại thần tích của các vị thành hoàng ở xứ Bắc xưa. Phần lớn các thần tích của Cao Sơn - Quý Minh và Trương Hống - Trương Hát đều cùng một mô típ. Họ cùng đều có một lý lịch xuất thân, có hành trạng khác thường, khi chết đều để lại dấu thiêng và âm phù cho những người đang sống chống thiên tai giặc giã. Các thần tích chỉ khác nhau đôi chút về sự âm phù và hiển linh mà thôi.

Theo chúng tôi, hiện tượng này không lấy gì làm lạ, vì thần tích đều do một tác giả là Nguyễn Bính soạn thảo, lại chỉ nói về hai mẫu thần linh: Thần Nước, Thần Núi, nên ông khó có thể nào tạo ra nhiều dị biệt được.

Hiện tượng "Cao Sơn - Quý Minh" cũng như "Trương Hống - Trương Hát" đã được hầu hết các nhà nghiên cứu Sử học - Dân tộc học - Văn hoá dân gian thừa nhận - họ chính là các vị thần trong tín ngưỡng Nông nghiệp cổ truyền được lịch sử hoá.

Nhân nói về thành hoàng, không thể nói đôi điều về mối quan hệ của thần đối với đình làng.

Như mọi người đều biết, chức năng quan trọng nhất của đình làng là nơi thờ thành hoàng - vị thần bảo trợ của làng, hay vị vua tinh thần của làng. Thần "Biểu thị một cách rõ rệt tổng số những kỷ niệm, những khát vọng chung, tiêu biểu cho phép tắc, tập tục, đạo lý, đồng thời cả sự thưởng phạt hay giáng phúc, tùy theo mức độ vi phạm hay tuân thủ phép tắc của thần. Tóm lại, thần là hiện thân của cái quyền lực cao thiêng, bắt nguồn và tiếp thu sức mạnh từ bản thân xã hội. Hơn nữa, thành hoàng là sợi dây liên kết mọi thành viên của thôn xã thành một khối, một thứ nhân cách tinh thần mà mọi thuộc tính chủ yếu đều thấy có ở mọi cá nhân (2).

Thần mang một giá trị tinh thần lớn lao như vậy, song lý lịch xuất thân của thần lại vô cùng phức tạp. Và, cho đến nay, vẫn chưa ai tự cỏi được những câu hỏi giản đơn: Thần là ai? Nguồn gốc và bản chất của người như thế nào? Mối quan hệ của thần đối với đình làng ra sao?

Ở đây, chỉ xin dành một ít trang dòng nói về mối quan hệ của thần với công trình mà chúng ta đang bàn, được rút ra từ một vài tư liệu điền dã.

Như ở trên, trong phân cấu trúc đình làng, tôi đã nói tới hậu cung là nơi cư trú của thần. Thánh địa nơi thần ngự trị khác hẳn với toà Đại đình về cấu trúc cũng như về niên đại.

Còn có rất nhiều đình làng không có hậu cung như: Chu Quyến, Phú Hữu, Tây Đằng, Viên Châu...(Ba Vì - Hà Tây) và rất nhiều đình được xây dựng từ thế kỷ XIX, thậm chí gần đây như ngôi đình ta đang xem xét nó. Các dấu hiệu Khảo cổ học và Lịch sử Mỹ thuật chưa thông báo cho biết một toà hậu cung nào được xây cất vào nửa đầu thế kỷ XVII - trong khi đại đình được biết sớm nhất có từ thế kỷ XVI.

Điều thứ hai cũng ít được ai chú ý là, Thần Thành hoàng được thờ ở hậu cung, nhưng không phải thần cư ngụ ở đó. Thần không ở trong đình, mà ở nơi đây chỉ có bài vị và các sắc phong của triều đình cho thần mà thôi. Thần ở nơi khác kia. Chỗ nào vậy?

Quan sát các dịp lễ hội giỗ ông hàng năm của làng, ta thấy dân làng đặt bài vị của thần lên một chiếc kiệu chạm khắc sơn vẽ lộng lẫy, rước ra một căn nhà nhỏ ở cách xa đình có tên là *nghe*. Lễ thức này mang nội dung mời thần từ *nghe* về *đình* để cho dân làng bày tỏ lòng thành kính đối với người. Sau 3 hoặc 7 ngày tùy nơi, người ta lại rước thần trở lại *nghe* - nơi thần ngự trị quanh năm. Ở làng Phù

Lão cũng vậy. Hàng năm vào dịp giỗ thần, người ta mang kiệu ra cái *nghe* ở giáp xóm Núi, cách đình non cây số đường làng, mời thần về hưởng lễ.

Thế đấy, đừng ai lầm tưởng rằng ngôi đình nguy nga đồ sộ kia là nơi thần cư ngụ. Ở đây, Thần chỉ có tên và oai linh của mình mà thôi. Căn nhà nơi thần ở, đơn sơ giản dị hơn ngôi đình ngàn lần. Ở nơi ấy, quanh năm chẳng hề có hương khói. Sự gắn liền của Thần với đình làng có phần nào giống như những người dân trong làng: Cùng tới đình gặp mặt nhau trong những ngày hội làng, rồi ai nấy lại trở về nơi ở của mình, chỉ khác nhau về vị trí trong lễ hội. Một bên, Thành hoàng là người được thờ phụng, và hết hội, người để lại danh tích và sự linh thiêng của mình ở lại mới ra về. Còn một bên dân làng, là những thân dân được ông che chở, chiêm bái chúc tụng ông, khi về không có gì để lại đình nữa.

Hai tư liệu tôi vừa trình bày ở trên, là một đóng góp cần thiết vào việc tìm hiểu lai lịch, nguồn gốc cũng như buổi và cách Thành hoàng "đột nhập" vào đình.

Tư liệu thứ hai tôi vừa trình bày đã củng cố thêm dự cảm của những người đi trước: thành hoàng - thực chất là một vị thần làng. Chắc chắn thần cư ngụ ở cái nơi mà sau này người ta đã dựng cho người một căn nhà gọi là *nghe*. Song những bí mật về nơi ở của thần trước khi có cái *nghe* ta vẫn chưa hiểu được. Đình làng chưa bao giờ được chọn làm nơi cư ngụ. Cụ thể là thần chỉ có mặt ở đó trong các ngày hội mà thôi.

Chắc chắn việc thần vào đình đã được thực hiện với sự đạo diễn trên quy mô toàn quốc. Thời điểm ấy xảy ra vào lúc nào? Tôi tán thành với Trần Lâm Biền khi anh cho rằng: Thời Lê, Nho giáo phát triển mạnh, đã trở thành ý thức hệ chính của nhà nước quân chủ mang tính chất

trung ương tập quyền ngày càng được củng cố. Đạo giáo và Phật giáo bị đã kích mạnh mẽ. Văn bia chùa Khai Nghiêm là một tuyên cáo của Nho giáo đã kích Phật giáo điển hình nhất. Khác với nhà Lý, nhà Lê sau cuộc kháng chiến 10 năm đánh đuổi giặc Minh đã nhìn Trung Hoa như một mẫu mực cho việc xây dựng thể chế chính trị, xã hội về mọi mặt.

Cũng theo tinh thần đó, triều đình không để cho nông dân tự trị theo lối cũ nữa. Các làng quê được tổ chức lại để cho triều đình vươn bàn tay quản lý của mình chặt chẽ hơn về mọi mặt: chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội... Để thực hiện ý muốn ấy, làng xã phải có một vị vua tinh thần, để việc thờ phụng người gắn liền với việc sùng bái nhà vua (3). Và khi xét duyệt lý lịch, triều đình thấy không một vị nào có tiêu chuẩn thích hợp hơn là Thần làng. Song không thể để người giản dị, mộc mạc và gia cảnh đơn sơ vốn có cùng tên gọi của mình được. Thần phải được đổi tên với "nhãn hiệu" ngoại hoá *Thành hoàng* và phải dời nơi ở tới nơi đẹp đẽ nhất làng - ngôi nhà công cộng của làng - Đình. Có thể coi như việc di chuyển có tính chất hành chính này được diễn ra trên quy mô toàn quốc vào cuối thế kỷ XVI, năm Hồng Phúc nguyên niên đời vua Lê Anh Tông (1572), năm triều đình ra lệnh bắt các làng xã kê khai thân tích, thân phả để chỉnh lý và bao phong. Qua *Lĩnh Nam chích quái* và *Việt điện u linh* ta đã thấy từ thời Lý đã có hiện tượng phong thần, nhưng việc ban bố quy chế thống nhất cả nước chỉ được thấy sử cũ nhắc vào thời điểm. Việc chỉnh lý và biên soạn thân tích đã được giao cho một viên quan bộ Lễ là Nguyễn Bính giữ chức Hàn lâm Lễ bộ Đông các Đại học sĩ phụ trách như đã ghi trong sử sách. Có lẽ bắt đầu từ thời điểm này, việc "chỉnh lý và bao phong" ấy là sự quy chế hoá các thần làng theo một mô

típ do triều đình quy định. Có nhiều thần làng bị gạt ra, thay vào đó là một thần mới. Nhưng nhiều nơi, ông vẫn được giữ nguyên tên gọi và cốt lõi, còn Nguyễn Bính thì đắp thêm những chi tiết mới cho hợp cách. Nhưng, cá biệt có làng tồn tại cả hai Thành hoàng. Ví dụ như ở làng Đông Kỵ (Hà Bắc) ông thành hoàng cổ vốn xuất thân từ một người gắp phân. Theo quy chế mới, ông bị xếp vào hạ đẳng thần. Đương nhiên, người Đông Kỵ không muốn điều đó. Họ xin nhận một thành hoàng mới - Đông Xung Đại Vương, một bộ tướng của An Dương Vương có công chống giặc ngoại xâm. Ông là thượng đẳng thần. Để cho phù hợp với cơ cấu mới, họ liền tách nội dung của một lễ hội nông nghiệp cổ truyền thành hai phần. Một phần là những nghi lễ liên quan tới nghề gắp phân cho ông thành hoàng cổ, được thực hiện bí mật trong đình bởi ban chủ tế. Và, dành phần lễ tục đốt pháo cho ông Thành hoàng mới. Lễ thức này mọi người được tham dự. Tiếng pháo từ lễ tục cầu sấm cho mưa được hiện đại hoá thành tiếng súng chống giặc ngoại xâm.

Song ý muốn đưa thành hoàng vào đình làng của triều đình, cho dù đã dùng tới mệnh lệnh có lẽ đã không phải được tất cả các làng quê thực hiện. Bằng chứng là, mọi làng đều có đình, song không phải đình nào đều có Hậu cung và nơi nào y lệnh của triều đình nghiêm nhặt nhất thì cũng lần nữa tới nửa cuối thế kỷ thứ XIX mới xây dựng hậu cung. Nhiều nơi, như làng Phù Lão của chúng ta, tới những năm 30 của thế kỷ này mới xây dựng hậu cung cho thần. Cái hậu cung, dấu sao vẫn chỉ là hình thức. Làng xóm Việt Nam bây giờ không muốn chống lại triều đình. Họ đồng ý đổi tên cho ông Thần của họ một cái tên "Trung Hoa" còn việc rời chỗ ở của thần - từ nơi sinh thành vào căn nhà công cộng của làng rõ ràng họ không

muốn. Chắc chắn, điều này làm cho triều đình nhà Lê khó chịu. Song, triều đình cũng thừa khôn ngoan để hiểu, không thể dùng vũ lực hay các biện pháp chính quyền bắt ép các làng xã di chuyển chỗ ở của ông thần làng cổ kính của họ được. Bởi, khi dồn nén quá mức, chiến tranh nông dân có thể rất dễ bùng nổ. Sức mạnh của làng quê trải qua cuộc kháng chiến giữ nước 10 năm chưa thể phai mờ trong trí óc của những người nắm giữ vương triều. Hơn nữa, có thể những ông vua đầu triều Lê chưa muốn phản bội lại những người vừa dựng cho họ ngai vàng. Thế là, có một cái đầu óc khôn khéo nào đó trong đám Nho thần đã đưa ra một giải pháp đáng khâm phục: làng xóm không phải dời chỗ ở của thần cũng được, song thần phải chấp nhận đổi tên, và hàng năm chỉ cần người có mặt vài ngày ở đình để nhắc nhở sự hiện diện của ngài, hay qua đó, chính là để nhắc nhở dân làng về nghĩa vụ tôn kính nhà vua và phục tùng chế độ quân chủ của nhà vua vậy. Giải pháp đó thể hiện được sự nhân nhượng của cả hai bên. Một hiệp ước vô hình đã được ký kết, tế nhị biết bao. Sự thoả thuận ấy vẫn còn được tôn trọng cho đến ngày tàn của nền quân chủ.

Sau thắng lợi đổi tên và đặt được bài vị thần làng vào đình, triều đình không dùng lại ở đó. Các nhà nước quân chủ

Việt Nam xưa đã tiến hành một chiến dịch bền bỉ, nhẫn nại để củng cố diện mạo Thành hoàng bằng biện pháp hoà bình: triều đình không ngừng ban cấp sắc phong cho Thành hoàng, mở rộng các hình thức lễ bái long trọng hơn... Kiến trúc đình làng được làm mới thêm cho quy mô hơn: ra sức đốc thúc làng xóm xây dựng hậu cung, làm thêm nhà tiền tế, nhà giải vũ, cổng trụ... song mọi nỗ lực đó đều vấp phải một bức tường kiên cố của các làng xã- dân làng đã không nhân nhượng thêm một bước nào vào cái thoả ước đã ký. Thành hoàng vẫn ở ngoài, ngài cũng chỉ vào đình nơi có bài vị của người ngay trong dịp lễ hội mà thôi.

Theo tôi, đó là khía cạnh vô cùng hấp dẫn mà ít người để ý đến quanh sự kiện thành hoàng. Khía cạnh đó chính là thể hiện được ý thức đấu tranh bảo vệ nền văn hoá kiên cường của làng xóm Việt Nam nói theo cách diễn đạt của người hiện đại.

-
- (1). Trinh Cao Tường, *Đình làng Phù Lão trong nền cảnh đình làng ở đồng bằng Bắc Bộ*, Luận án Phó tiến sỹ sử học, Tư liệu Viện khảo cổ học.
 - (2). P. Giran, *Ma thuật tôn giáo của người An Nam*, BEFFO No 1912.
 - (3). Trần Lâm Biền, *Quanh ngôi đình lịch sử*, Nghiên cứu Nghệ thuật số 4 - 1983.